TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **43**/2020/QĐST-VDS	*Thủ Dầu Một, ngày 14 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 28/2020/TLST-VDS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đỗ Phát H, sinh năm 1986; HKTT: xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ tạm trú: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Chị Bùi Thị K, sinh năm 1991; HKTT: xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ tạm trú: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 06/02/2020, anh Đỗ Phát H và chị Bùi Thị K đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh Đỗ Phát H và chị Bùi Thị K yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc anh Đỗ Phát H và chị Bùi Thị K thật sự tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Anh Đỗ Phát H và chị Bùi Thị K thống nhất giao con chung là cháu Đỗ Thị Thu P sinh ngày 02/10/2012 cho chị Bùi Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về con chung là tự nguyện, phù

hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Bùi Thị K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Phát H và chị Bùi Thị K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Thị Thu P sinh ngày 02/10/2012 cho chị Bùi Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Bùi Thị K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Đỗ Phát H được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp anh H lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của chị K thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung đối với anh H.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Đỗ Thị Thu P, khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Phát H và chị Bùi Thị K mỗi người phải chịu số tiền là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng số tiền là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu

tiền số AA/2016-0041414 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thanh Tuyền